

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày 26-01-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Hoài Dinh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trọn – Giáo viên nghỉ hưu

2. Ông Hồ Huy Cường – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Gò Dầu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thành Danh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2017/HSST ngày 20 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn T; sinh ngày 26/02/2000, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: ấp C, xã Thanh P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông: Vương Văn L, sinh năm 1965 và bà Đoàn Thị Đ, sinh năm **1968**; Anh ruột: Có 01 người; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26-10-2017 đến nay. **Có mặt.**

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Đoàn Thị Đ, sinh năm **1968**. **Có mặt.**

Địa chỉ: ấp C, xã Thanh P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Minh H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. **Có mặt.**

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Hồng P, sinh năm 1984. **Có mặt.**

Địa chỉ: ấp C, xã PĐ, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh Đỗ Văn Bảo L, sinh năm 1998. **Vắng mặt.**

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G T, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh Dương Quốc D, sinh năm 1995. *Có mặt.*

Địa chỉ: Ô2/123A, khu phố Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4. Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1982. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vương Văn L, sinh năm 1965. *Vắng mặt.*

2. Bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1968. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: ấp C, xã Thanh P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Anh Trịnh Văn Th, sinh năm 1984. *Có mặt.*

Địa chỉ: ấp P, xã PĐ, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 08/02/2017, tại quán cà phê Góc Phố thuộc ấp S, xã P, huyện G, chị Nguyễn Hồng P nhờ Lê Văn T đưa anh Nguyễn Thanh L là chồng của chị P đến chỗ làm thì T đồng ý. T hỏi mượn điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime của chị P để tiện liên lạc thì chị P đồng ý. Sau đó, anh L điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha biển số 70D1-269.19 chở T đến chỗ làm, rồi anh L giao xe cho T quay về. Trên đường về, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô và điện thoại của chị P nên T chạy xe đến thành phố T bán xe cho người không rõ lai lịch được 9.000.000 đồng. T đón xe đến Thành phố Hồ Chí Minh bán điện thoại cho người không rõ lai lịch được 3.000.000 đồng, rồi tiêu xài và bỏ trốn.

Ngoài ra, T còn thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Do T biết anh Lê Hoàng V có điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7-2015 nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của anh V. Khoảng 11 giờ ngày 27/8/2017, T đến nhà trọ Khánh Đăng thuộc ấp P, xã PĐ, huyện G, gặp nhóm của anh V đang uống rượu. T giả vờ mượn điện thoại của anh V chơi game chờ cơ hội chiếm đoạt. Sau đó, nhóm của anh V đến quán Chuột Đồng ở ấp P uống rượu tiếp thì T cũng đi theo. Tại đây, T giả vờ nói đi mua cơm và hỏi mượn điện thoại của anh V cầm theo để chơi game thì anh V đồng ý. Sau khi mượn được điện thoại, T đem đến tiệm cầm đồ Bảo Anh của anh Trịnh Văn Th ở ấp P, xã PĐ bán được 1.800.000 đồng, rồi tiêu xài.

Vụ thứ hai: Ngày 29/8/2017, T đến khách sạn Thanh Như ở khu phố R, thị trấn G thuê phòng trọ, rồi làm quen với anh Đỗ Văn Bảo L là nhân viên của khách sạn. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 30/8/2017, T thấy anh L có điện thoại di động hiệu Sony Xperia XA Ultra nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của anh L. T giả vờ hỏi mượn điện thoại của anh L để lên mạng Zalo thì anh L đồng ý. Lợi dụng lúc anh L vào nhà bếp nấu cơm, T đón xe đến tiệm cầm đồ Bảo Anh bán được 2.700.000 đồng, rồi tiêu xài.

Vụ thứ ba: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 01/9/2017, T cùng với chị Đỗ Thiện T, anh Dương Quốc D, Lê Văn T, chị Đỗ Thị Bạch L và chị Đỗ Thị Bạch Lan Th đến quán cà phê ở Ô1, khu phố T, thị trấn G. T thấy anh D có điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6 Plus 16GB nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T hỏi mượn điện thoại của anh D để lên mạng Zalo thì anh D đồng ý. Sau đó, T giả vờ đi vệ sinh, rồi đón xe taxi đến tiệm cầm đồ Bảo Anh và tiệm điện thoại Hoàng Hải của anh Phan Hoàng H ở ấp P, xã PĐ, huyện G để bán nhưng không được nên T đón xe đến thị trấn TB tìm chỗ bán thì bị anh Th bắt giữ giao Công an xử lý.

Theo kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐ ngày 30-8-2017 và số 93/KL-HĐ ngày 20-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản: Xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha biển số 70D1-269.19 có giá trị 13.200.000đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime có giá trị 2.600.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7-2015 có giá trị 1.800.000đồng; 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia XA Ultra có giá trị 2.800.000đồng; 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6 Plus 16GB có giá trị 5.200.000đồng; Tổng giá trị 25.600.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6 Plus 16 GB, đã trả lại cho anh D; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7-2015, đã trả lại cho anh V.

Về bồi thường thiệt hại: Chị P yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng. Anh L yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 01/QĐ-KSĐT ngày 20-12-2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 140 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội **như cáo trạng đã truy tố.**

Người bị hại, chị Nguyễn Hồng P trình bày: Chị có giao xe để nhờ bị cáo đưa chồng chị đi làm và cho bị cáo mượn điện thoại di động để tiện liên lạc. Nhưng bị cáo đã lợi dụng lòng tin của chị mà chiếm đoạt xe và điện thoại. Nay tài sản không thu hồi được nên chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Người bị hại, anh Dương Quốc D trình bày: Anh đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6 Plus 16 GB, đây là điện thoại của anh đã bị bị cáo chiếm đoạt, anh không yêu cầu bị cáo bồi thường, yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Văn Th trình bày: Anh không biết điện thoại mà bị cáo cầm cố cho anh là tài sản do phạm tội mà có. Nay anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 1.800.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị cáo T - bà Đoàn Thị Đ trình bày: Bà không có ý kiến gì về việc bị cáo T bị Tòa án xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bà đồng ý cùng với bị cáo bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại và người có quyền lợi liên quan. Bà xin Hội đồng xét xử xem xét

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì khi phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, nhận thức chưa hoàn thiện.

Người bào chữa cho bị cáo, ông Lê Minh H- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh Tây Ninh trình bày: Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo T là đúng quy định pháp luật. Nhưng bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, học vắn thấp, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét áp dụng: Điểm a Khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 174; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và mức án 06 tháng tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 140, Điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 139, Điểm p Khoản 1 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 69, Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo mức án từ 09 đến 12 tháng tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đồng thời áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, các Điều 584, 586, 589 Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo, bà Đoàn Thị Đ, ông Vương Văn L bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nhận thức về pháp luật chưa hoàn thiện, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Từ ngày 08/02/2017 đến ngày 01/9/2017, trên địa bàn huyện Gò Dầu, Lê Văn T sau khi nhận được tài sản có giá trị 15.800.000 đồng của chị P bằng hình thức hợp đồng đã bỏ trốn để chiếm đoạt và 03 lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh V, anh L, anh D có tổng giá trị 9.800.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng được thu giữ. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Vụ án này mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, không những gây ra bất bình trong dư luận, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây ra tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo một mức án nghiêm mới có đủ thời gian giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

Tình tiết tăng nặng: phạm tội nhiều lần, đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình phạt được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 mà bị cáo được hưởng.

Do bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Xét thấy đề nghị này là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Vì đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 140; Điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 139; Điểm p Khoản 1 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 69, Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo mức án từ 09 đến 12 tháng tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” **là có căn cứ, đúng người, đúng tội.**

[6] Về bồi thường thiệt hại: Chị P yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng. Anh L yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng, anh Th yêu cầu bồi thường 1.800.000 đồng. Bị cáo và bà Đoàn Thị Đ, ông Vương Văn L đồng ý bồi thường nên cần ghi nhận.

Anh D, anh V không yêu cầu bồi thường, nên cần ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Anh D đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6 Plus 16 GB; Anh V đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7-2015. Nên Hội đồng xét xử không xử lý.

[8] Do Hội đồng xét xử kết luận bị cáo có tội, bị kết án và phải bồi thường thiệt hại. Nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 174; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Tổng hợp hình phạt của hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26-10-2017.

2/Các biện pháp tư pháp:Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, các Điều 584, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận anh Dương Quốc D đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6 Plus 16 GB; Anh Lê Hoàng V đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7-2015, không yêu cầu bồi thường.

Ghi nhận bị cáo T đồng ý bồi thường cho chị Nguyễn Hồng P 12.000.000 đồng; Đồng ý bồi thường cho anh Đỗ Văn Bảo L 5.000.000 đồng; Đồng ý bồi thường cho anh Trịnh Văn Th 1.800.000 đồng.

Nếu bị cáo T không đủ tài sản để bồi thường, thì bà Đoàn Thị Đ, ông Vương Văn L phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

3/Án phí: Căn cứ vào Điều 23, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 940.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo, người bào chữa và người đại diện hợp pháp cho bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh V, anh L, ông L vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- Sở Tư pháp tỉnh nơi bị cáo ĐKNKTT;
- Công an huyện G (02 bản);
- Công an xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú;
- CC.THADS huyện G;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Dinh